

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 01 đến 30/4/2024)

1.1. Miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-40mm, có nơi trên 50mm: Chi Nê (Hòa Bình) 76mm, Hà Giang 72mm, Lào Cai 74mm.
- Trên sông Thao, lưu lượng dòng chảy tại Yên Bái tăng so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 69%. Trên sông Lô, lưu lượng dòng chảy tại Tuyên Quang giảm so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 52%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 60-100mm, có nơi cao hơn.
- Trên sông Thao, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 84%. Trên sông Lô, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ là 50%.

1.2. Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-60mm, riêng khu vực Hà Nội 15-30mm.
- Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động điều tiết theo thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy bằng với TBNN cùng kỳ
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Cầu Gia Bảy thấp hơn 27% và trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn 36% so với TBNN.
- Tổng lượng dòng chảy: Tổng lượng dòng chảy tháng 3 trên sông Hồng tại Hà Nội thấp hơn so với tháng 2. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 20%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-80mm, có nơi cao hơn.
- Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 2%.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Cầu Gia Bảy và trên sông

Lục Nam tại Chũ có khả năng ở mức thấp hơn so với TBNN lần lượt là 31% và 63%.

- Tổng lượng dòng chảy: Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 15%.

1.3. Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 40-80mm, riêng khu vực Nam Nghệ An-Hà Tĩnh: 60-120mm

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 03, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực ít biến đổi so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 9%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 6%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn 24%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm ở mức thấp hơn khoảng 41%

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 04, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm nhẹ so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy và sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 10%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn 43%.

1.4. Trung Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-35mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 162%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) thấp hơn 23%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 35%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-40 mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy: Dòng chảy trên các sông trong khu vực ít biến đổi. Lưu lượng dòng chảy giảm hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN 118%, sông Thu Bồn thấp hơn 19%, sông Trà Khúc cao hơn 29%.

1.5. Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến <20mm, có nơi không mưa. Riêng Bảo Lộc (Lâm Đồng) 147mm.
Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 2% so với TBNN, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 64%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 28%, sông Lũy (Bình Thuận) cao hơn 44%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 78%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 10-30mm, phía Nam có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động, giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba thấp hơn 66% so với TBNN, sông Cái Nha Trang ở mức cao hơn 17% so với TBNN.

1.6. Tây Nguyên

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến <20mm, có nơi không mưa. Riêng Bảo Lộc (Lâm Đồng) 147mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng, lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến ở mức tương đương và giảm so với tháng trước; riêng hạ lưu sông Đăkbla và Krông Búk lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum cao hơn TBNN cùng kỳ 92%, trên sông Krông Ana tại Giang Sơn thấp hơn 9%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 10-30mm, phía Nam có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến ở mức tương đương và giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 91%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn ở mức tương đương TBNN cùng kỳ.

1.7. Nam Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: hầu như không mưa, vài nơi có lượng mưa <10mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-20mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 10-20%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/5/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/7/2023*

Sông	Trạm	Thực đo trong 1 tháng qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	15.7	-73.1	30-60	<20-40%
Thao	Yên Bái	68.5	4.2	50-80	<15-30%
Lô	Tuyên Quang	15.4	-77.7	40-80	<20-40%
Hồng	Hà Nội	17.8	-69.3	30-60	<20-40%
Cầu	Gia Bảy	31.8	-45.4	30-60	<20-40%
Lục Nam	Chũ	35.8	-40.8	30-60	<20-40%
Mã	Cắm Thủy	29.7	-57.7	40-70	<15-30%
Cả	Yên Thượng	94.5	1873	10-30	<30-50%
La	Hòa Duyệt	163.3	228	15-35	<30-50%
Tả Trạch	Thượng Nhật	35.6	207	15-35	<30-50%
Thu Bồn	Nông Sơn	78.1	1983	20-40	<40-70%
Trà Khúc	Sơn Giang	23.8	-14.1	15-30	<40-70%
Ba	Củng Sơn	13.1	-33.3	5-15	<40-70%
Cái Nha Trang	Đông Trăng	2.9	-92.0	5-15	<40-70%
ĐăkBlá	KonTum	6.9	-87.3	5-15	<40-70%
Srêpôk	Giang Sơn	0.0	-100	5-15	<40-70%
Tiên	Tân Châu	0.0	-100	5-15	<40-70%
Hậu	Châu Đốc	0.0	-100	5-15	<40-70%

Bảng 1.2: Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1158	>0	1321	>2
Thao	Yên Bái	W	182	<69	116	<84
Lô	Tuyên Quang	W	217.73	<52	310	<50
Cầu	Gia Bảy	W	32.4	<27	45.4	<31
Lục Nam	Chũ	W	6	<36	10.5	<63
Hồng	Hà Nội	W	1786	<20	2280	<15
Mã	Cắm Thủy	W	375	> 9	337	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	W	520	< 6	441	< 10
La	Hòa Duyệt	W	149	> 24	117	~ TBNN
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	34	> 162	26	> 118
Thu Bồn	Nông Sơn	W	234	< 23	189	< 19
Trà Khúc	Sơn Giang	W	264	> 35	198	> 29
Ba	Củng Sơn	W	63	< 56	39	< 66
Cái N,T	Đồng Trăng	W	75	>27	65	> 17
ĐăkBlá	KonTum	W	171	> 92	156	> 91
Srêpôk	Giang Sơn	W	48	< 9	54	~ TBNN
Tiền	Tân Châu	W			8447	< 10
Hậu	Châu Đốc	W			1125	< 20

Phụ lục 2: Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng lượng dòng chảy so với TBNN

